

tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều động cán bộ đi giảng dạy ở các trường đại học khác nhau, trong cả nước.

Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, các Bộ có trường đại học và các địa phương có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành và thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 27 tháng 10 năm 1976

Thủ tướng Chính phủ

PIAM VĂN ĐỒNG

## CÁC BỘ

### BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

**QUYẾT ĐỊNH số 1843-QĐ ngày 7-5-1976**  
về đại lý phí tàu biển.

### BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ nghị định số 158-CP ngày 4-7-1974 của Hội đồng Chính phủ quy định tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ nghị định số 115-CP ngày 25-7-1963 của Hội đồng Chính phủ quy định nội dung và quan hệ công tác của Đại lý tàu biển Việt-nam, trong đó có ủy nhiệm cho ông Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đại lý phí và thể thức thanh toán;

Theo đề nghị của ông Cục trưởng Cục đường biển.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** — Đại lý tàu biển Việt-nam làm đại lý cho các tàu nước ngoài tiến hành mọi thủ tục cho tàu ra vào các cảng Việt-nam, phục vụ vận tải, bốc xếp và giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, phục vụ cho hành khách xuất nhập cảnh và những công việc khác phục

vụ cho tàu trong quá trình hoạt động ở khu vực cảng được thu các khoản phí theo đơn vị đồng bạc Việt-nam sau đây:

### 1. Phí tính vào trọng tải của tàu.

a) Cơ sở để tính trọng tải phí là sức chở nặng (Deadweight) lớn nhất của tàu. Khoản phí này được thu một lần đối với một chuyến tàu vào và ra cảng.

#### b) Mức phí trọng tải:

Từ 5.000 DWT trở xuống	600 đồng
5.001 đến 8.500 DWT	900 đồng
8.501 DWT — 15.000 DWT	1.200 đồng
15.001 DWT đến 20.000 DWT	1.500 đồng
20.001 DWT trở lên	1.800 đồng.

c) Các trường hợp được giảm phí trọng tải của tàu:

— Tàu vào cảng không phải dỡ bốc xếp hàng hóa, đưa đón hành khách mà vì những lý do như để tránh bão, chữa bệnh, sửa chữa, lấy nước ngọt được giảm 50% theo giá biểu nói trên;

— Tàu vào cảng để hoàn thành một chuyến hành trình (hàng nhập hoặc hàng xuất) mà phải đi nhiều cảng của nước Việt-nam:

Ở cảng thứ nhất trả đủ 100%;

Ở cảng thứ hai trở đi, mỗi cảng trả 50%.

d) Trong một chuyến tàu, nếu lượt vào và lượt ra tàu thuộc những chủ khai thác khác nhau thì mỗi chủ tàu chịu một nửa (1/2) khoản trọng tải phí này.

### 2. Phí tính vào hàng hóa chuyên chở.

a) Cơ sở tính là số lượng hàng hóa xuất nhập khẩu ghi trong vận tải đơn của tàu theo đơn vị tấn hàng. Phần lẻ của tấn tính là một tấn.

Mức phí hàng hóa:

500 tấn đầu	200 đồng
501 tấn trở lên, cứ mỗi tấn thu	0,20 đồng.

b) Nếu hàng phải làm chuyển tải qua sà lan (lighterage) một tấn bốc xếp phải trả thêm 0,10 đồng. Tối thiểu một lần chuyển tải thu 300 đồng, tối đa thu 500 đồng.

c) Tàu chở dầu được giảm 30% đại lý phí tính vào hàng hóa.



### 3. Phí tính cho người ủy thác thứ hai.

Trường hợp chủ tàu là người ủy thác thứ nhất, người thuê tàu là người ủy thác thứ hai hay ngược lại, phí tính cho người ủy thác thứ hai như sau :

Một tấn hàng hóa bốc xếp 0,10 đồng.

Mức tiền tối thiểu thu 100 đồng.

**4. Phí tính vào chủ những hàng tàu cho thuê dài hạn** và những công việc phục vụ cho tàu mình như điều đình, dàn xếp công việc thuộc về phần chủ tàu, về sinh hoạt và đời sống của thuyền viên, về bảo vệ những quyền lợi chính đáng của chủ tàu.

Một chuyến, mỗi chủ thu 500 đồng.

**5. Phí phục vụ việc gửi** nhận thư từ, báo chí cho thuyền viên, mỗi chuyến tàu ở mỗi cảng thu 20 đồng.

### 6. Các loại phí khác.

a) Mỗi giới bán vé hành khách thu 5% tổng số tiền vé. Chăm lo thủ tục cho hành khách xuất nhập cảnh 3 đồng/1 người. Đối với tàu hành khách, tối đa thu 300 đồng.

b) Điều đình việc sửa chữa tàu, thu 1% tiền sửa chữa, mỗi lần thu tối thiểu 50 đồng.

c) Mỗi giới mua, bán tàu thu 5% giá bán, thu của người bán.

d) Thu xếp việc giao, nhận tàu mua, bán :  
— Loại tàu có sức chở nặng từ 5.000 DWT trở xuống thu 500 đồng.

— Loại tàu trên 5.000 DWT thu 800 đồng.

e) Mỗi giới thuê tàu : Thu của người cho thuê 5% trên tổng số tiền thuê/cước.

g) Chăm lo việc giao, trả tàu thuê, thu của người ủy thác 300 đồng.

h) Mỗi giới tìm hàng cho tàu thu 5% tiền cước.

i) Điều đình việc xếp hàng lưu khoang tàu thu 5% trên tiền cước.

k) Điều đình việc chuyển tải hàng hóa (trans — Shipment) thu 2,5% trên tiền cước chuyển tải.

l) Tính cước và thu trả hộ tiền cước, thu 0,5% trên tiền cước.

m) Thanh toán hộ tiền thưởng, phạt về xếp dỡ hàng hóa, thu 5% trên tổng số tiền thưởng, phạt, thu của người được hưởng.

n) Dàn xếp về tai nạn của tàu và thuyền viên, thu của người ủy thác 2% trên tiền bồi thường, mức tối thiểu thu 50 đồng.

o) Điều đình việc bồi thường về hàng hóa bị hư hỏng, mất mát, nhầm lẫn trong khi chuyên chở, giao nhận đại lý, được thu lệ phí tối thiểu 10đ một vận đơn. Ngoài ra nếu việc điều đình có kết quả thì thu của người được bồi thường 1% trên số tiền được bồi thường.

p) Thu và trả hộ mọi khoản tiền cho hãng tàu, thu của người ủy nhiệm 0,5% tiền thu, trả hộ.

q) Chăm lo thủ tục và thu xếp thay đổi thuyền viên 10 đồng/người ; tối đa thu 100 đồng.

r) Dàn xếp và nhận chuyển các kháng cáo hàng hải cho tàu, mỗi vụ thu 100 đồng.

s) Làm thủ tục giao nhận hàng hóa, hành lý xuất nhập gửi lẻ cho các cơ quan và tư nhân trong và ngoài nước, đại lý được thu một khoản phí theo giá trị hàng hóa sau đây :

— Giá trị hàng từ 500 đồng trở xuống, thu 2 đồng.

— Từ 500đ đến 1.000đ thu 5 đồng.

— Từ 1.000đ đến 5.000đ thu 10 đồng.

— Từ 5.000đ trở lên thu 20 đồng.

t) Về những công việc khác làm cho tàu vì cho người ủy nhiệm ngoài những công việc ghi trên đây, tỷ lệ hóa hồng sẽ do đại lý và người ủy nhiệm thỏa thuận riêng với nhau.

**Điều 2.** — Ngoài các loại phí nói ở điều : trong quyết định này, người ủy nhiệm phải chịu trả tất cả các khoản thủ tục phí ngân hàng và các khoản chi khác mà đại lý đã chi như tem thư, điện tín, điện thoại, v.v... để thông tin liên lạc, giải quyết công việc cho mình theo thực chi.

**Điều 3.** — Người ủy nhiệm từng chuyến cũng như người ủy nhiệm dài hạn phải ký gửi một số tiền tối thiểu đủ để chi cho một chuyến tàu vào và ra cảng, kể cả cảng phí. Số tiền ký gửi do đại lý ước tính và báo cho người ủy nhiệm biết. Sau khi ký gửi tiền rồi, nếu có những khoản



chỉ bất thường, số tiền ký gửi không đủ thì người ủy nhiệm phải ký gửi thêm theo yêu cầu của đại lý.

Trong trường hợp đặc biệt, đại lý có thể ứng tiền để chi tiêu cho tàu, về số tiền ứng ra đó, đại lý được tính lãi mỗi tháng (30 ngày) 5% kể từ ngày đại lý ứng tiền đến ngày người ủy nhiệm chuyển tiền thanh toán cho đại lý. Quá một ngày được tính một tháng nữa.

**Điều 4.** — Đại lý có toàn quyền sử dụng tiền ký quỹ của người ủy nhiệm để chi những khoản thông thường và những khoản đã có dự trù trước. Đối với những khoản chi bất thường không có dự trù trước, đại lý phải hỏi ý kiến của người ủy nhiệm, trừ những khoản nhỏ dưới 100 đồng.

**Điều 5.** — Người ủy nhiệm phải trực tiếp thanh toán với đại lý:

— Tất cả những khoản phí mà theo luật lệ của nước Việt-nam đã quy định khi tàu ra vào cảng phải trả;

— Những khoản chi tiêu của tàu trong thời gian tàu hoạt động ở khu vực cảng.

Tuy nhiên nếu người ủy nhiệm yêu cầu hoặc người ủy nhiệm thỏa thuận với người thứ ba thì một phần hay toàn bộ các khoản phí và chi tiêu đó có thể do người thứ ba thanh toán với đại lý (nếu hãng tàu ủy nhiệm đại lý thì người thứ ba là người thuê tàu, nếu người thuê tàu ủy nhiệm đại lý thì người thứ ba là hãng tàu). Trường hợp này thì người thứ ba cũng phải thanh toán bằng ngoại tệ theo quy định của điều 9 dưới đây và người ủy nhiệm vẫn phải ký gửi đủ số tiền cần thiết và chịu trách nhiệm thanh toán nếu việc thanh toán với người thứ ba có khó khăn trở ngại. Nếu người thứ ba thanh toán sòng phẳng thì số tiền ký gửi không dùng đến sẽ hoàn lại cho người ủy nhiệm.

**Điều 6.** — Sau khi nhận được bản tổng kê các khoản chi phí và chứng từ, nếu người ủy nhiệm có ý kiến gì thì chậm nhất là 30 ngày sau phải báo cho đại lý tàu biển biết. Quá

thời gian đó, nếu người ủy nhiệm không có ý kiến gì với đại lý thì coi như đã chấp thuận chứng từ.

**Điều 7.** — Các giấy yêu cầu của thuyền trưởng hay người đại diện của thuyền trưởng, các hóa đơn đã được thuyền trưởng hoặc người có thẩm quyền trên tàu xác nhận đều là những chứng từ có giá trị để thanh toán những khoản chi tiêu của tàu.

**Điều 8.** — Trường hợp ủy nhiệm từng chuyến sau khi tàu đã rời cảng, đại lý kết toán các khoản chi về chuyến tàu đó rồi gửi cho người ủy nhiệm nếu tiền ký gửi không dùng hết thì số thừa sẽ hoàn lại cho người ủy nhiệm.

Trong trường hợp ủy nhiệm dài hạn thì mỗi chuyến tàu đại lý cũng kết toán như trên, nhưng hết tháng mới tính thừa thiếu. Nếu hết tháng tiền ký gửi không dùng hết, người ủy nhiệm phải báo cho đại lý biết quyết định của mình về việc sử dụng số tiền thừa.

**Điều 9.** — Các khoản thu đại lý phí đều tính bằng tiền Việt-nam quy ra ngoại tệ, theo tỷ giá chính thức do Ngân hàng Nhà nước Việt-nam công bố hiện hành vào thời điểm tàu đến cảng mà loại tiền ấy phải được Ngân hàng Nhà nước Việt-nam chấp thuận.

**Điều 10.** — Các loại phí của đại lý tàu biển được thu và thể thức thanh toán đã quy định trong quyết định này được áp dụng kể từ ngày 1 tháng 6 năm 1976.

Những điều quy định trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 11.** — Các ông Chánh văn phòng Bộ Giao thông vận tải, ông Trưởng ban Ban vận tải, Cục trưởng Cục đường biển và Giám đốc đại lý tàu biển Việt-nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 7 tháng 5 năm 1976

K.T. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Thứ trưởng

VŨ QUANG